

Số: 847 /TB-HĐ

Bình Chánh, ngày 29 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

**Danh sách thí sinh không đủ điều kiện tham gia xét tuyển viên chức vòng 2;
Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển viên chức vòng 2 và
thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển viên chức vòng 2
ngành giáo dục và đào tạo khối Trung học cơ sở
năm học 2022 – 2023 (đợt 2)**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 13240/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo khối THCS năm học 2022 - 2023 (đợt 2);

Căn cứ kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển và đề nghị của các Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển;

Căn cứ Quyết định số 14917/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo khối Trung học cơ sở, năm học 2022 – 2023 (đợt 2);

Nay, Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo ngành giáo dục và đào tạo khối Trung học cơ sở, năm học 2022 – 2023 (đợt 2), thông báo cụ thể như sau:

1. Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển

- Thí sinh không đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển viên chức vòng 2: 01 người;
- Thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển viên chức vòng 2: 139 người.

(Đính kèm danh sách chi tiết)

2. Thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển viên chức vòng 2

- Triệu tập đối với 139 thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển viên chức vòng 2.

- Thời gian xét tuyển: Bắt đầu lúc 08 giờ, ngày 06/01/2023.

- Địa điểm xét tuyển: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Bình Chánh, địa chỉ: Số 4, đường số 6, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh.

(Đính kèm lịch xét tuyển chi tiết và Danh mục tài liệu ôn tập)

3. Hình thức, nội dung tuyển dụng: Phỏng vấn thực hành.

- Thí sinh bốc thăm chuẩn bị trả lời câu hỏi: 05-10 phút

- Thời gian sát hạch cho mỗi ứng viên không quá 30 phút.

4. Cơ cấu thang điểm: Tổng điểm: 100 điểm, bao gồm:

- Kiến thức chung: 20 điểm;

- Kiến thức chuyên môn: 40 điểm (dành cho vị trí dự tuyển Giáo viên); 50 điểm (dành cho vị trí dự tuyển Nhân viên);

- Tác phong sư phạm: 10 điểm;

- Kỹ năng trình bày, diễn đạt mạch lạc, tự tin, giọng nói to, rõ, phát âm chuẩn: 20 điểm;

- Chữ viết đúng, đẹp, trình bày bảng hợp lý, khoa học (dành cho vị trí dự tuyển Giáo viên): 10 điểm.

Lưu ý:

- Thí sinh phải có mặt trước phòng xét tuyển theo thời gian quy định, trang phục gọn gàng, lịch sự.

- Xuất trình Giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh để Hội đồng xét tuyển viên chức kiểm tra trước khi vào phòng xét tuyển.

- Thực hiện đảm bảo công tác phòng, chống dịch theo quy định.

Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo khối Trung học cơ sở, năm học 2022 – 2023 (đợt 2) thông báo đến thí sinh được biết./

Nơi nhận:

- TTUB;
- Thành viên HĐXTVC;
- Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Ban Kiểm tra, sát hạch;
- Ứng viên dự xét tuyển;
- P.NV, P.GDĐT, PTCKH, PYT, TTYT;
- TTGDNN-GDTH Huyện;
- Công thông tin điện tử Huyện;
- Công thông tin PGDĐT;
- CVP, PCVP;
- Lưu VT-TH, PNV.L.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phan Thị Cẩm Nhung**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VỊ TRÍ NHÂN VIÊN Y TẾ

(Kèm theo Thông báo số 847 /TB-HĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	GIỜ	NGÀY	ĐỊA ĐIỂM	PHÒNG THI
1	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	10 giờ 15 phút	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 01 (TẦNG TRỆT)
2	Trường THCS Tân Túc	10 giờ 30 phút	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	
3	Trường THCS Tân Kiên	10 giờ 45 phút	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	
4	Trường THCS Võ Văn Vân	11 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KHỐI THCS NĂM HỌC 2022 - 2023 (ĐỢT 2)



UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KHỐI THCS NĂM HỌC
2022 - 2023 (ĐỢT 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VỊ TRÍ NHÂN VIÊN KẾ TOÁN

(Kèm theo Thông báo số 847 /TB-HĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	GIỜ	NGÀY	ĐỊA ĐIỂM	PHÒNG THI
1	Trường THCS Qui Đức	09 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 03 (TÀNG TRỆT)
2	Trường THCS Vĩnh Lộc B	09 giờ 15 phút	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KHỐI THCS NĂM HỌC 2022 - 2023 (ĐỢT 2)



UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KHỐI THCS NĂM HỌC
2022 - 2023 (ĐỢT 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VỊ TRÍ GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN KHÁC
(Kèm theo Thông báo số 847 /TB-HĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	GIỜ	NGÀY	ĐỊA ĐIỂM	PHÒNG THI
1	Trường THCS Qui Đức	13 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 03 (TẦNG TRỆT)
2	Trường THCS Phong Phú	15 giờ 15 phút	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 03 (TẦNG TRỆT)
3	Trường THCS Tân Quý Tây	13 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 04 (TẦNG TRỆT)
4	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	15 giờ 15 phút	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 04 (TẦNG TRỆT)
5	Trường THCS Bình Chánh	13 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 05 (LẦU 1)
6	Trường THCS Tân Túc	13 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 06 (LẦU 1)
7	Trường THCS Tân Nhựt	15 giờ 15 phút	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 06 (LẦU 1)
8	Trường THCS Tân Kiên	13 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 07 (LẦU 1)
9	Trường THCS Võ Văn Vân	13 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 08 (LẦU 1)
10	Trường THCS Gò Xoài	13 giờ 45	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 08 (LẦU 1)
11	Trường THCS Lê Minh Xuân	13 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 09 (LẦU 1)
12	Trường THCS Phạm Văn Hai	15 giờ 15 phút	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 09 (LẦU 2)
13	Trường THCS Vĩnh Lộc A	13 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 10 (LẦU 2)
14	Trường THCS Vĩnh Lộc B	13 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 11 (LẦU 2)
15	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	13 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 12 (LẦU 2)
16	Trường THCS Đa Phước	13 giờ	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 13 (LẦU 3)
17	Trường THCS Đồng Đen	08 giờ cho đến khi kết thúc	06/01/2023	Trung tâm GDNN-GDTX	PHÒNG SỐ 19 (LẦU 4)

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỐI THCS
NĂM HỌC 2022 - 2023 (ĐỢT 2)



**UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN
CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO KHỎI THCS
NĂM HỌC 2022 – 2023
(ĐỢT 2)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP

*(Kèm theo Thông báo số 847 /TB-HĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng xét tuyển viên chức)*

1. Nội dung dành cho thí sinh dự tuyển vị trí Giáo viên

1.1. Kiến thức chung

- Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 05 tháng 11 năm 2010, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức số 52/2019/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2019;
- Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội;
- Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo;
- Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, THPT, và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.
- Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020, Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá xếp loại học sinh THCS và THPT ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 về đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông;

1.2. Kiến thức chuyên môn: Yêu cầu thí sinh có kiến thức chuyên môn, phương pháp dạy học để giải quyết một vấn đề chuyên môn cụ thể, soạn và giảng dạy 01 hoạt động dạy học cụ thể ..., có khả năng trình bày bảng, khả năng xử lý tình huống. Đối với vị trí Giáo viên Tổng phụ trách đội trả lời các câu hỏi về chuyên môn theo vị trí đăng ký dự tuyển.

2. Nội dung dành cho thí sinh dự tuyển vị trí Nhân viên

2.1. Kiến thức chung: Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 05 tháng 11 năm 2010, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức số 52/2019/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2019;

2.2. Kiến thức chuyên môn:

- **Đối với nhân viên Văn thư:** Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về công tác văn thư; Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục; Thông tư 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ về quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức; Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

- **Đối với nhân viên Thư viện - Thiết bị:** Các kiến thức về Thư viện – Thiết bị và nghiệp vụ công tác Thư viện - Thiết bị.

- Đối với Nhân viên kế toán:

- + Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
- + Luật Kế toán năm 2015;
- + Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;
- + Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- + Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;
- + Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, Thông báo và tổng hợp quyết toán năm;
- + Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;
- + Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;
- + Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định về phân cấp quản lý Nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- + Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Thông tư số

16/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- **Đối với nhân viên Thủ quỹ:** Quyết định số 21-LĐ/QĐ ngày 28 tháng 01 năm 1983 của Bộ Lao động về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ của một số chức danh viên chức nhà nước; Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Luật Kế toán năm 2015.

- **Đối với Nhân viên Y tế trường học:**

+ Phòng chống dịch bệnh Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Sởi.

+ Xử lý vết thương.

+ Tiêm chủng mở rộng là gì? Phòng chống các bệnh trong chương trình tiêm chủng mở rộng.

+ Chương trình phòng chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2021 – 2030.

- **Đối với Nhân viên Công nghệ thông tin:** trả lời các câu hỏi về chuyên môn theo vị trí đăng ký dự tuyển.

**HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỐI THCS
NĂM HỌC 2022 – 2023 (ĐỢT 2)**



UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ
NĂM HỌC 2022 - 2023 (ĐỢT 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÒNG 2
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2022 - 2023 (ĐỢT 2)
(Kèm theo Thông báo số 847 /TB-HĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Lý do không đủ điều kiện dự tuyển vòng 2	Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số		
1	Trương Thế Việt	25/02/1979		Đại học	Kỹ thuật điện- Điện tử			Nghiep vụ Sư phạm bậc 2	Giáo viên môn Công nghệ	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Nghiep vụ sư phạm không phù hợp	Trường THCS Tân Nhựt

Danh sách có 01 người./.

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ
NĂM HỌC 2022 - 2023 (ĐỢT 2)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÒNG 2
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2022 - 2023 (ĐỢT 2)
(Kèm theo Thông báo số 848 /TB-HĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
1	Mai Nam Việt	12/10/1998		Cử nhân	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
2	Nguyễn Văn Quang	16/04/1993		Cử nhân	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
3	Phan Đào Thanh Tỳ	05/09/1997		Cử nhân	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
4	Huỳnh Quốc Cường	27/05/1997		Cử nhân	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
5	Nguyễn Minh Nhứt	09/11/1999		Cử nhân	Hóa học			Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Khoa học tự nhiên cấp THCS	Giáo viên môn hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
6	Lê Mỹ Lam Thuỳn		27/07/1996	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
7	Hoàng Thị Tâm		25/10/1989	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
8	Phạm Thị Hồng Tuyền		14/09/1999	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
9	Huỳnh Thị Bích Thảo		04/08/1993	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
10	Trần Thị Mai Linh		13/01/2000	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
11	Nguyễn Thị Thu Linh		02/07/1995	Trung cấp	Văn thư - Lưu trữ				Nhân viên văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
12	Huỳnh Thị Bích Thảo		04/08/1993	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
13	Phạm Thành Trung	01/04/1995		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
14	Trần Thị Lâm		12/01/1998	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
15	Trần Phạm Thanh Nhân	07/08/1986		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
16	Đỗ Ngọc Quân Thụy		31/08/1998	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
17	Trần Đình Thiện	20/01/1982		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
18	Hoàng Thị Tâm		25/10/1989	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
19	Nguyễn Thị Hồng Như		16/10/1995	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
20	Trần Thành Nhân	05/12/1995		Cử nhân	Sư phạm vật lý				Giáo viên dạy môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Văn Linh
21	Trần Đình Thiện	20/01/1982		Đại học	Sư phạm vật lý				Giáo viên dạy môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Văn Linh

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
22	Trần Phương Thảo		14/04/1995	Cử nhân	Sư phạm vật lý				Giáo viên dạy môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Văn Linh
23	Lâm Thanh Ngọc		09/03/1994	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
24	Phùng Thanh Thơm	16/09/1993		Đại học	Ngôn ngữ Anh			Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp THCS	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
25	Bạch Thị Kim Loan		15/05/1988	Cử nhân	Sư phạm Địa lý				Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
26	Huỳnh Thị Kim Quyên		16/11/1994	Cử nhân	Sư phạm Địa lý				Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
27	Nguyễn Thị Kim Loan		01/01/1999	Cử nhân	Giáo dục Chính trị				Giáo viên môn Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Qui Đức
28	Quách Hoàng Phi Long	31/10/2000		Cử nhân	Giáo dục Thể chất				Giáo viên môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Qui Đức
29	Huỳnh Quốc Cường	27/05/1997		Cử nhân	Giáo dục Thể chất				Giáo viên môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Qui Đức
30	Dương Thị Đào		13/08/1996	Cử nhân	Sư phạm Sinh học				Giáo viên môn Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Qui Đức
31	Lê Thị Bé Hường		25/06/1986	Cử nhân	Kế toán				Nhân viên kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Qui Đức
32	Trương Kim Thành	04/11/2000		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Dân tộc thiểu số	5	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
33	Ngô Ngọc Thuận	11/02/2000		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
34	Lâm Thị Thu Nguyệt		21/02/1986	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
35	Nguyễn Thị Thanh Tuyền		01/04/1995	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
36	Trình Ngọc Bình		23/07/1999	Cử nhân	Sư phạm Tin học				Giáo viên môn Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
37	Đặng Thị Thanh Mai		06/04/1999	Cử nhân	Sư phạm Tin học				Giáo viên môn Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
38	Hồ Thị Kim Xuyên		25/10/1988	Trung cấp	Y sỹ				Nhân viên Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
39	Nguyễn Ngọc Anh Thư		10/05/1997	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt
40	Nguyễn Thị Thanh Tuyền		01/04/1995	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt
41	Ngô Ngọc Thuận	11/02/2000		Cử nhân	Sư phạm Toán				Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
42	Trương Quốc Tuấn	02/02/1987		Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
43	Đoàn An Trường Khang	13/5/2000		Cử nhân	Sư phạm Lịch sử				Giáo viên Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
44	Đoàn Thị Kim Hoa		27/11/1997	Trung cấp chuyên nghiệp	Tin học				Nhân viên Công nghệ thông tin	Nhân viên	01.005	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
45	Hoàng Thị Tâm		25/10/1989	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên dạy Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
46	Nguyễn Thị Hồng Như		16/10/1995	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên dạy Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
47	Đinh Văn Tự	25/10/1994		Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên dạy Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
48	Lê Kim Khoa		16/08/1978	Trung cấp	Y sĩ				Nhân viên Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
49	Bùi Thị Thu Thủy		06/11/1976	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
50	Phạm Hữu Hưng	20/10/1992		Trung cấp	Công nghệ thông tin				Nhân viên Công nghệ thông tin	Nhân viên Công nghệ thông tin	01.005	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
51	Nguyễn Thị Thu Hường		19/06/1989	Cao đẳng	Công nghệ Thiết bị trường học	Tiếng Anh trình độ A2	Ứng dụng CNTT cơ bản		Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm	Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm	V.07.07.20	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
52	Trịnh Thị Hồng		13/03/1998	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp				Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên thủ quỹ	01.005	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
53	Nguyễn Hữu Phong	22/05/1982		Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên dạy môn Toán	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
54	Nguyễn Thị Mai		27/12/1997	Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên dạy môn Toán	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
55	Phạm Văn Hiếu	10/09/1990		Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên dạy môn Toán	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
56	Tăng Thị Thu Thanh		06/03/1993	Thạc sĩ Cử nhân	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán. Sư phạm Toán học				Giáo viên dạy môn Toán	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
57	Trần Thị Thùy Dung		20/08/1997	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên dạy môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
58	Nguyễn Thùy Dung		24/08/1999	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên dạy môn Ngữ văn	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
59	Trần Thị Hiền Vy		17/12/1994	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên dạy môn Ngữ văn	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
60	Trương Quang Hoàng	15/05/1981		Cử nhân	Sư phạm Địa lý				Giáo viên dạy môn Địa lý	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
61	Huỳnh Thị Nguyên Thảo		11/08/1990	Cử nhân	Sư phạm Địa lý				Giáo viên dạy môn Địa lý	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
62	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		12/04/1984	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử				Giáo viên dạy môn Lịch sử	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
63	Phạm Ngọc Diễm		01/06/1994	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử				Giáo viên dạy môn Lịch sử	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
64	Lê Phương Quỳnh		19/04/1984	Đại học	Lịch sử				Giáo viên dạy môn Lịch sử	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	con liệt sĩ	5.0	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
65	Phan Thanh Xuân		24/01/1986	Cao đẳng	Kế toán				Nhân viên kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
66	Nguyễn Thị Kim Anh		08/01/1990	Cử nhân	Công nghệ thông tin			Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Sư phạm danh cho Giáo viên tin học cấp Trung học cơ sở	Giáo viên môn Tin học	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
67	Hoàng Quảng Bảo	25/8/1985		Trung cấp chuyên nghiệp	Y sỹ đa khoa				Nhân viên Y tế	Y sỹ hạng IV	V.08.03.07	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
68	Phạm Thị Minh Hiếu		21/7/1991	Trung cấp chuyên nghiệp	Y sỹ				Nhân viên Y tế	Y sỹ hạng IV	V.08.03.07	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
69	Bùi Ánh Try	15/11/1976		Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
70	Lương Ngọc Quyền	21/07/1984		Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
71	Mai Đức Giang	02/10/1995		Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
72	Nguyễn Hữu Phong	22/05/1982		Cử nhân	Sư Phạm Toán				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
73	Nguyễn Thị Mai		27/12/1997	Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
74	Nguyễn Thị Phước Trà		16/03/1982	Đại học	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Con thương binh	5	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
75	Nguyễn Thị Thùy Dung		25/01/1993	Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
76	Nguyễn Văn Quang	10/03/1986		Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
77	Phan Văn Đức	26/10/1999		Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
78	Nguyễn Hoàng Kim Khánh		23/09/1995	Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
79	Nguyễn Thị Dung		20/09/1997	Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
80	Nguyễn Duy Hải	29/09/1991		Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh			Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giáo viên Tiếng anh cấp THCS	Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
81	Nguyễn Hoàng Ân	15/05/1996		Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
82	Trần Thị Thùy Dung		20/08/1997	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
83	Bùi Thị Thu Thủy		06/11/1976	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ Văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Con thương, bệnh binh	5	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
84	Nguyễn Thị Thanh Tuyền		31/08/1985	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam ; Cử nhân Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ Văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
85	Phạm Thị Chinh		18/02/1985	Đại học	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ Văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
86	Nguyễn Thị Kim Anh		08/01/1990	Cử nhân	Công nghệ thông tin			Chứng chỉ NVSP cho giáo viên Tin học cấp THCS	Giáo viên môn Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
87	Đỗ Thị Thu Hoa		21/11/1995	Cử nhân	Sư phạm Hoá học				Giáo viên môn Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
88	Hoàng Thị Tâm		25/10/1989	Cử nhân	Sư phạm Hóa Học				Giáo viên môn Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
89	Lê Thị Thảo		10/06/1997	Thạc sĩ	Hóa lí thuyết và Hóa lí; Cử nhân Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
90	Đoàn Thị Ngọc		09/03/1981	Đại học	Sư phạm Hoá học				Giáo viên môn Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
91	Lê Văn Lâm	16/06/2000		Cử nhân	Sư phạm Hoá học				Giáo viên môn Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
92	Đỗ Thị Thanh Tú		25/02/1998	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
93	Huỳnh Thị Thu Lợi		02/11/1996	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
94	Nguyễn Thành Tâm	12/10/1999		Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
95	Nguyễn Thị Phương Anh		24/02/1998	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
96	Phạm Thị Thanh Tuyền		12/05/1996	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
97	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như		14/02/1998	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
98	Nguyễn Thị Phúc		01/02/1986	Thạc sĩ	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao; Cử nhân SP Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
99	Nguyễn Thị Vân		13/12/1997	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
100	Phạm Cẩm Tú		13/05/1994	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
101	Đào Thị Kim Hương		02/12/1993	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
102	Nguyễn Thái Học	17/07/1991		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
103	Nguyễn Thanh Ngân		30/11/1993	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
104	Nguyễn Thị Mỹ Anh		20/01/1993	Cử nhân	Vật lý			Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giáo viên KHTN cấp THCS	Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
105	Trần Đình Thiện	20/01/1982		Đại học	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
106	Trần Ngọc Quang	29/11/1996		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
107	Trần Thị Hồng Hải		05/02/1993	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
108	Đoàn Thị Phương Thảo		12/08/1983	Đại học	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
109	Nguyễn Thị Thanh		10/10/1993	Cao đẳng	Khoa học Thư viện	Tin học trình độ B	Tiếng anh trình độ B		Nhân viên Thư viện	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
110	Phan Thị Phương		01/01/1985	Cử nhân	Thư viện - Thông tin học	Toeic 375	Ứng dụng CNTT cơ bản		Nhân viên Thư viện	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
111	Trần Thị Hiền Vy		17/12/1994	Đại học	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Lê Minh Xuân
112	Lê Văn Hiền	19/07/1995		Đại học	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Lê Minh Xuân
113	Trần Thị Ngọc Hiền		07/03/2000	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật				Giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Lê Minh Xuân
114	Phan Thị Phương		01/01/1985	Đại học	Thư viện - thông tin học	TOEIC	ỨDCNT T CB		Nhân viên Thư viện	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Lê Minh Xuân
115	Trương Quốc Tuấn	02/02/1987		Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
116	Trần Thị Hiếu		20/05/1985	Cử nhân	Sư phạm Mỹ thuật	Trình độ A	Tin học ứng dụng trình độ A		Giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Con thương binh	5	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
117	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		12/04/1984	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử				Giáo viên Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Gò Xoài
118	Huỳnh Thị Mỹ Trinh		20/04/2000	Cử nhân	Sư phạm Địa lý				Giáo viên Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Gò Xoài
119	Hoàng Thị Tâm		25/10/1989	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Gò Xoài

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
120	Lại Thị Trân Trân		10/11/1997	Cử nhân	Hóa học			Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Khoa học tự nhiên cấp Trung học cơ sở	Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Gò Xoài
121	Phan Thị Kim Dung		12/04/1999	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Gò Xoài
122	Ngô Thanh Bình	13/07/1999		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
123	Khuong Thới Hoàn Duy	30/07/1993		Thạc sĩ; Cử nhân	Lý thuyết xác suất và thống kê Toán học; Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
124	Lê Nguyễn Trang Đài		20/01/1999	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
125	Trần Minh Đức	02/03/1992		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
126	Trần Thị Mai Linh		13/01/2000	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
127	Trần Hoàng Nghi	13/05/1992		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
128	Bùi Đình Thu	19/05/2000		Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
129	Tô Thị Thu Thủy		27/08/1995	Cử nhân	Sư phạm Địa lý				Giáo viên môn Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
130	Huỳnh Quốc Cường	27/05/1997		Cử nhân	Sư phạm Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
131	Phan Đào Thanh Tỳ	05/09/1997		Cử nhân	Sư phạm Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
132	Lưu Hồng		19/10/1999	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Dân tộc thiểu số	5	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có) ví dụ: điểm ưu tiên, văn bằng chứng chỉ có liên quan....		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Nội dung thay đổi	Lý do	
133	Hoàng Thị Tâm		25/10/1989	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
134	Lê Mỹ Lam Thuyền		27/07/1996	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
135	Phạm Thị Hồng Tuyền		14/09/1999	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
136	Phạm Thị Xuân		25/03/1995	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
137	Đỗ Nguyễn Thanh Tâm	13/01/1999		Cử nhân	Sư phạm Lịch sử				Giáo viên môn Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
138	Đỗ Tuấn Kiệt	10/01/1987		Cử nhân	Tin học				Nhân viên Công nghệ thông tin	Nhân viên	01.005	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
139	Nguyễn Thị Minh Thùy		02/01/1988	Trung cấp	Y sĩ				Nhân viên Y tế	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình

Danh sách có 139 người./.

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ
NĂM HỌC 2022 - 2023 (ĐỢT 2)